

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh diện tích miễn thủy lợi phí
năm 2018 cho Công ty TNHH Một thành viên
Khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc Quy định vị trí công đầu kênh của Tổ chức hợp tác dùng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi; phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 243/TTr-SNN ngày 26 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh diện tích miễn thủy lợi phí năm 2018 cho Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận tại Điều 1 Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh từ 115.345,9796 ha thành 114.077,9948 ha, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: ha

T T	Đơn vị	Diện tích được hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2018 (Quyết định số 2898/QĐ-UBND)	Diện tích tăng, giảm so với năm 2018	Diện tích điều chỉnh được hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2018
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5 = 3 + 4</i>
1	Chi nhánh Tuy Phong	9.242,3180	-977,4546	8.264,8634
2	Chi nhánh Bắc Bình	30.223,5405	-108,0678	30.115,4727

3	Chi nhánh Hàm Thuận Bắc	26.775,5727	-261,1962	26.514,3765
4	Trạm Quản lý Đầu mối và Kênh chính Sông Quao	309,3948	-95,3447	214,0501
5	Trạm Khai thác công trình thủy lợi Phan Thiết	1.659,4729	-46,2884	1.613,1845
6	Chi nhánh Hàm Thuận Nam	6.786,2828	-275,6747	6.510,6081
7	Chi nhánh La Gi - Hàm Tân	2.950,5515	108,6598	3.059,2473
8	Chi nhánh La Ngà	37.398,8464	387,3458	37.786,1922
	Tổng cộng	115.345.9796	-1.267,9848	114.077,9948

(Có bảng chi tiết đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCTUBND tỉnh Lê Tuấn Phong;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT. Văn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tuấn Phong